TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀ BÌNH** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:75/2022/HNGĐ-ST
Ngày:29-08-2022
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Xuyên

Các hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Huỳnh Tài Em

2/- Ông Võ Tấn Phước

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Văn Hữu Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 08 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2022/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 04 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXX-ST ngày 19 tháng 07 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 08 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

(*Chị T có đơn xin vắng mặt, anh P vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 04 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Đoàn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn P xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 2002, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Quá trình chung sống chị và anh P có 01 (một) con chung tên: Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 2002. Hiện cháu M đã trưởng thành và có cuộc sống tự lập, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị và anh P là do anh P không chăm lo cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cải nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2021 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, Chị T và anh P đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, nhưng không hàn gắn được do không còn tình cảm với nhau và hiện tại, Chị T không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với anh P.

Nay, chị Đoàn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn P; Về con chung là cháu Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 2002. Hiện cháu M đã trưởng thành và có cuộc sống tự lập, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, Chị T không còn có yêu cầu gì khác.

Đối với anh Nguyễn Văn P không có lời trình bày tại Toà án, đồng thời, anh P cũng không cung cấp cho Toà án tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của chị Đoàn Thị T theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng qui định của thủ tục tố tụng dân sự cho anh P, nhưng anh P không đến Tòa án. Vì vậy, theo quy định của pháp luật nếu bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như ý kiến của mình thì Toà án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

* Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề xuất: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị T.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

3. Án phí: Chị Đoàn Thị T phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là chị Đoàn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn P, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn P có địa chỉ tại ấp T, xã G, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, chị Đoàn Thị T có đơn xin vắng mặt, anh Nguyễn Văn P vắng mặt. Toà án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu đã tiến hành tống đạt hợp lệ các quyết định tố tụng dân sự cho anh P để tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án theo yêu cầu ly hôn giữa chị T và anh P theo quy định, nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T và anh P.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh P xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 2002, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và đã được Ủy ban nhân dân xã G cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/4/2013. Vì thế, hôn nhân giữa chị T và anh P là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T xác định: Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh P là do anh P không chăm lo cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cải nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2021 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị T và anh P đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, nhưng không hàn gắn được do không còn tình cảm với nhau, nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh P.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân muốn tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện; vợ chồng phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị T và anh P không biết tôn trọng nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc mà thường xuyên cự cãi nhau, dẫn đến chị T và anh P đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2021 đến nay. Từ khi sống ly thân, chị T và anh P cũng đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, nhưng không thể hàn gắn được. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh P, không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Đoàn Thị T và anh Nguyễn Văn P .

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị T và anh P có 01 (một) con chung tên: Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 2002. Hiện cháu M đã trưởng thành và có cuộc sống tự lập, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[4] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1/- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị T đối với anh Nguyễn Văn P, xử cho ly hôn giữa chị Đoàn Thị T và anh Nguyễn Văn P.

2/- Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003076 ngày 25 tháng 04 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Bình được chuyển thu.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Mỹ Xuyên

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bạc Liêu;*
- *VKSND huyện Hòa Bình;*
- *THADS huyện Hòa Bình;*
- *UBND xã G;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*